

Nhân Viên Làm Móng
Tay:
An Toàn Súc Khỏe, Nhiều
Kiến Làm Việc, Lương
Boảng, và Nhân Khẩu

**NAIL MANUFACTURERS COUNCIL
OF THE
PROFESSIONAL BEAUTY ASSOCIATION**

Nhân Viên Làm Móng Tay:

An Toản Sức Khỏe, Niềm Kiện Làm Việc, Lương Bổng, và Nhân Khẩu

Giới thiệu

Thẩm mỹ hiện đang là một ngành rất sôi nổi trong nền kinh tế Mỹ. Doanh thu hàng năm của các thẩm mỹ viện đạt xấp xỉ \$60 tỷ Mỹ kim, gấp năm lần số vốn doanh thu từ các rạp chiếu phim, và vượt hẳn đứng đầu 1.6 triệu chuyên viên. Thời gian chờ đợi số lượng chuyên viên thẩm mỹ hiện nay còn nhiều hơn số lượng giáo viên hay luật sư. Các thẩm mỹ viện làm móng tay chiếm \$6 tỷ Mỹ kim và vượt hẳn đứng đầu 155,000 chuyên viên.

Ngành thẩm mỹ tạo ra nhiều công việc, bao gồm những công việc cho cả nhiều người bỏ hẳn việc bán hàng, ngân hàng và các ngành khác mà vẫn có thể trở nên giàu có trong kinh tế xã hội và trở nên giàu có. Do đó rất nhiều người nhập cư tìm kiếm cho mình công việc mới trong ngành thẩm mỹ. Đây là một ngành rất theo xu hướng gần gũi với gia đình do có nhiều kiến thức chuyên môn và thời gian, để đảm bảo các công việc và thời gian riêng. Nhiều người có thể làm việc bán thời gian. Những người khác thì lại làm việc nhiều hơn một công việc để kiếm tiền.

Số vốn các ngành dịch vụ khác và vốn của các công ty khác nhau, thì nhân viên thẩm mỹ, bao gồm cả việc làm móng tay, cần phải có mức lương tổng cộng, hoặc ngay cả còn cao hơn hẳn số vốn các ngành dịch vụ khác và phần lớn lương của họ phải trả bằng tiền mặt. Rất nhiều nhân viên làm móng tay (70%) đều làm việc và làm chủ một công ty kinh doanh quy mô nhỏ. Trên thực tế, trong số danh sách 4,000 ngành nghề liệt kê trong các trang vàng, thì ngành thẩm mỹ đứng đầu.¹

Hàng thập kỷ nay qua, số lượng chuyên viên hàng trăm nghìn nhân viên làm móng tay, cho thấy rõ ràng ngành làm móng tay một môi trường an toàn lao động đáng nói theo.

¹ “Tìm Kiếm Sớm Nơi Ngõ Đường Mỹ Đến Các Trang Vàng” (Search for Beauty Takes Americans to Yellow Pages), Hiệp Hội Truyền Thông Tích Hợp Trang Vàng (Yellow Pages Integrated Media Association), ngày 24 tháng Hai, 2004.

Raát deã khaéc phuïc nhöõng ruõi ro cuõa ngaønh naøy thoàng qua coàng taùc giaùo duïc, phoả bieán caùch haønh ngheà an toaøn, vaø coù moät heä thoáng thoàng giou ñaày ñiu.

Hieäp Hoài Caùc Nhaø Saün Xuaát Moung Tay (NMC) laø toà chöc ñeà xuaát quan troïng cuõa ngaønh laøm moung tay vaø ñoàng thöøi cuõng laø ngöõøi bieäu quyeaát cho ñieàu kieän veà an toaøn vaø söùc khoeù laøm vieäc cuõa nhaân vieân, keá caù vaán ñeà giaùo duïc, tieáp ngoaïi, vaø thöïc thi hieäu quaù hôn caùc quy cheá vaø luaät hieän haønh töø chính quyeaán ñoà phöõng vaø tieâu bang.²

Thaønh phaàn trong caùc saün phaåm laøm moung

Thaønh phaàn ñöõïc söù duïng trong caùc saün phaåm laøm moung ñeàu an toaøn trong ñieàu kieän söù duïng thoàng thöðøng vaø ôù möùc tieáp xuùc höïp lyù theo quy ñoàng cuõa Cô Quan Ñieàu Haønh An Toaøn Ngheà Nghieäp vaø Söùc Khoùe (Occupational Safety and Health Administration, hay OSHA) vaø Cô Quan Thöïc Döõïc Phaåm (Food and Drug Administration, hay FDA) Hoa Kyø.

Ba thaønh phaàn ñöõïc ñoà ra thaùo luaän nhieàu nhaát trong caùc saün phaåm laøm moung laø dibutyl-phthalate (DBP), toluene, vaø formaldehyde.

Nhöõng quan taâm veà ba loaïi thaønh phaàn naøy xuaát phaùt töø nguy cô tieáp xuùc quaù möùc thöðøng thaáy trong moài troøøng kyø ngheã, hoùa hoïc soá löõïng löùn vaø nhaø maùy, vì haøm löõïng cuõa nhöõng thaønh phaàn naøy ôù ñoà ñaày cao hôn so vôùi ôù thaãm myõ vieän laøm moung. Trong caùc thaãm myõ vieän laøm moung, möùc ñoà tieáp xuùc vôùi nhöõng thaønh phaàn naøy laø raát thaáp, do chæ chieám tyù leä nhuù trong coàng thöùc vaø ñöõïc söù duïng vôùi soá löõïng raát ít, chuùng laïi ñöõïc ñöõïng trong caùc chai nhuù coù naép ñaày nhuù, ñöõïc ñoàng kín thöðøng xuyeân. Chæ caàn moät chai laø ñiu ñeà ñaành boung töù 36-60 boã moung.

Vôùi soá löõïng khieâm toán ñoà, chaúng ngaïc nhieän khi ñaõ hôn ba möði naêm thaønh laäp OSHA maø khoàng heä coù moät khieáu naïi gi töø phía OSHA, hoaëc töø phía baát kyø moät cô quan coù thaãm quyeaán naøo trong soá naêm möði tieâu bang veà vieäc NMC ñaõ vi phaïm tieâu chuaån OSHA veà möùc ñoà tieáp xuùc an toaøn ñoài vôùi ba chaát thaønh phaàn naøy.

DBP, laø chaát taïo meàm ñöõïc söù duïng ñeà laøm meàm caùc saün phaåm ñaành boung moung, trong hai naêm qua, ñaõ bò caùc thöðøng hieäu haøng ñaàu **ngöõg söù duïng**, ñoà keát quaù cuõa Baün Söüa Ñoài Thöø Baýy veà Höðøng Daän Söù Duïng Myõ Phaåm, ñöõïc EU thoàng qua naêm 2003, vaø ñöõïc soaïn thaùo ñeà caám söù duïng 1200 thaønh phaàn, trong ñoà coù caù DBP. Veà cô baün, ñeà taïo ra moät coàng thöùc ñöõïc söù duïng toaøn caàu, caùc nhaø saün xuaát moung phaù loaïi

² NMC, ñöõïc saùng laäp caùch ñaày gaàn hai thaäp kyù, laø moät phaàn cuõa Hieäp Hoài Thaãm Myõ Chuyeän Nghieäp (Professional Beauty Association). Thaønh vieän NMC bao goàm caùc nhaø saün xuaát saün phaåm chaêm söùc moung chuyeän nghieäp haøng ñaàu cho thaãm myõ vieän.

boû DBP, maëc duø FDA ñaõ keát luaän raêng chõa heà coù ñoøi hoûi gì veà luaät ñieàu haønh DBP³ vaø ngay caù uý ban chính thòuc khoa hoïc gia cuûa chính phuû EU, **sau khi** ñaõ thoâng qua Baùn Sõua Ñoái Thòu Baùu, cuõng ñaõ nhaän ñònh raêng DBP **an toaøn** trong khi ñoøic sôû duïng trong ngaønh muõng tay.⁴ Tieáp xuùc vôùi DBP, coù khoaùng 5% chaát ñaùnh boùng muõng, trong moãi troøøng laøm vieäc cuûa thaãm myõ vieän neän gaàn nhõ khoaùng theá xuäc ñònh chuùng nhõ moät caùch thõic tieän.

Gaàn ñaây, vaøo thaùng Möøøi, 2006, Toluene, laø moät dung moãi ñoøic sôû duïng trong saùn phaãm ñaùnh boùng muõng coù taùc duïng laøm cho caùc saùn phaãm möøit maø hôn, ñoøic cô quan quaùn lyù an toaøn thaønh phaàn thaãm myõ cuûa EU ñaùnh giaù laø **an toaøn ñeä sôû duïng**.⁵ Hôn nõõa, nghiênn cõuu trong nhieàu naêm veà laøm muõng õu California döøuì sõi giaùm saùt cuûa caùc quan chõuc tieäu bang cho thaáy haøm löõng toluene sôû duïng trong thaãm myõ vieän laøm muõng thaáp hôn 1 ppm vaø thaáp hôn nhieàu so vôùi möuc an toaøn 200 ppm maø OSHA lieän bang quy ñònh.⁶ Maët khaùc, caùc saùn phaãm ñaùnh boùng muõng khoaùng coù toluene ñang ngaøy caøng nhieàu trong thaãm myõ vieän nhaèm ñaùp õùng nhu caàu cuûa ngõõo muoán traùnh chaát toluene.

Fomanñeähyt laø moät thaønh phaàn trong chaát laøm cõùng muõng, moät saùn phaãm chuyeän duïng ñoøic thaãm myõ vieän chaêm soùc muõng duøng vôùi löõng haïn cheá cho nhõõng vaán ñeä ñaëc bieät lieän quan töüi muõng. Fomanñeähyt **khoàng ñoøic** sôû duïng ñeä ñaùnh boùng hoaëc trò muõng, maø chæ ñoøic duøng laøm cõùng muõng.⁷ FDA cho pheùp coù 5% chaát naøy trong chaát laøm cõùng muõng. Trong thõic teá, haøm löõng chaát naøy trong coång thõuc saùn xuaát raát ít hôn moät nõõa löõng trên. Sau nhieàu naêm nghiênn cõuu caùc tieäm laøm muõng tay, chính quyeän California keát luaän raêng: löõng fomanñeähyt õu ñaây **khoàng heä cao hôn** löõng fomanñeähyt õu ñeä laøm vieäc khaùc, nhõ toøa nhaø vaên phoøng- ñeä khoaùng coù **baát cõu** moät saùn phaãm laøm muõng naøo.⁸ Ngoaøi ra, thaãm myõ vieän cuõng luoàn coù saùn caùc chaát laøm cõùng muõng khoaùng coù fomanñeähyt.

Ngoaøi ba thaønh phaàn neäu trên, moät thaønh phaàn thõu tö thõõøng ñoøic nhaëc ñeän laø methyl methacrylate, hay MMA, moät ñònh thõuc daïng löõng. Khi keát hoïp vôùi boät polymer, MMA coù theá duøng laøm muõng acrylic trong caùc thaãm myõ vieän. MMA ñaõ ñoøic sôû duïng roäng raõi

³ Xem <http://www.cfsan.fda.gov/~dms/cos-phth.html> vaø Hubinger, J. vaø Harvey, D., Phaân Tích veä Caùc Saùn Phaãm Thaãm Myõ ñoái vôùi Phthalate Esters, J. Cosmet. Sci., 57, 127-137 (2006).

⁴ http://ecb.jrc.it/DOCUMENTS/Existing-Chemicals/RISK_ASSESSMENT/SUMMARY/dibutylphthalatesum003.pdf

⁵ http://ec.europa.eu/health/ph_risk/committees/04_sccp/docs/sccp_o_076.pdf

⁶ Tô Vaán Moãi Trõõøng Clayton, Ñaùnh Giaù Veä Sinh Kyõ Ngheä veä Haøm löõng Toluene vaø Formaldehyde taïi Thaãm Myõ Vieän Muõng vaø Dõch Vuï Troïn Gõuì õu California, 16 thaùng Ba, 1999.

⁷ Nhieàu chaát ñaùnh boùng vaø laøm muõng chõua nhõõa coù teän daøi gioáng fomanñeähyt (tosylamide/nhõõa formaldehyde). Fomanñeähyt laø moät chaát khí. Nhõõa laø moät chaát ñính khoaùng bay hoï. Trong quaù trình saùn xuaát nhõõa, fomanñeähyt ñoøic duøng laøm nguyênn lieäu thoä, nhõõng khi saùn phaãm ñaõ chuyeän thaønh nhõõa, thì fomanñeähyt tieäu maát vaø khoaùng cõøn nõõa.

⁸ Xem löu yù 6, *supra*.

tõ hõn 40 naêm trõðuc. Thõic ra, FDA ñaõ **caám** sốu ðuõng MMA trong cauc saun phaam laøm muõng⁹ trong nhõõng naêm 1970 vì chaát naøy raát khoù laáy ra, thõðong laøm hoùng muõng tõi nhieân vaø gaây dò õùng. Do sối vaãn ñoãng trong ngaõnh chaêm soüc saéc ñeip, hõn 30 tieâu bang cuõng ñaõ ban haõnh leãnh caám sốu ðuõng MMA, vaø ñoái vòui moät vaøi tieâu bang thì sốu ðuõng chaát naøy bò coi laø phaïm phaùp. Trõðuc tauc ñoãng cuõa FDA vaø cauc tieâu bang, chaát MMA **khoàng coøn ñõðic sốu ðuõng** trong thaãm myõ vieãn. Thay vaøo ñoài, nhõõng nõi naøy chuyeãn sang moät chaát an toaøn hõn laø etyl metacrylate (EMA)- cuõng laø ñõn thõuc ðaõng loùng. Cauc chaát acrylic chõua EMA coù ñoái keát ðính toát hõn, ñoàng thõoio ðeã laáy ra vaøø khoàng haõi muõng tõi nhieân. Tuy nhieân, sốu ðuõng EMA¹⁰ khoáng ñuõng coù theã ðaãn ñeãn bò dò õùng. Vì vaãy, cauc saun phaam EMA phaõi ghi caõnh giauc traõnh tieáp xuuc vòui ða. Cauc chuyeãn vieãn muõng tay ñõðic chæ ðaãn veà nhõõng nguy cô naøy cuõng nhõ caùch phoøng traõnh chuõng.¹¹ Nghieãn Cõu cuõa Nhoùm Chuyeãn Vieãn Thaõnh Phaàn Myõ Phaãm (Cosmetic Ingredient Review, hay CIR) cho thaáy cauc chaát monomer loùng chõua EMA an toaøn cho chuyeãn vieãn sốu ðuõng.¹²

Ñieàu quan troõng laø phaõi nhìn nhaãn laø khi sốu ðuõng cauc thaõnh phaàn naøy trong thaãm myõ vieãn, tauc haõi **nghieãm troõng nhaát** vòui soüc khoùe nhaãn vieãn **khoàng phaõi** laø ung thõ hay nhõõng aõnh hõðung tõui sinh saun, maø laø do bò khoù chõu nõi ða, dò õùng hoaëc kich thich ñõðong hoã haáp.

Bieãn phaùp giaùm thieàu: Giaùo ðuõic, laøm vieãc an toaøn vaø thoãng gioù

Coù theã ðeã ðaøng giaùm nguy cô tieãm taøng trong thaãm myõ vieãn laøm muõng baøng caùch **giaùo ðuõic** nhaãn vieãn, aùp ðuõng cauc **bieãn phaùp laøm vieãc an toaøn vaø thoãng gioù**. Cuõng nhõ cauc cô quan khauc, gaàn ñaây, trong moät taãp saùch nhoù coù tieâu ñeã *Baùo Veã Soüc Khoùe cuõa Nhaãn Vieãn Laøm Muõng Tay (Protecting the Health of Nail Salon Workers)*, Cô Quan Baùo Veã Moãi Trõðong (Environmental Protection Agency, hay EPA) Hoa Kyø ñaõ keát luaãn: **vieãc chaêm soüc muõng coù theã an toaøn neáu sốu ðuõng ñuõng cauc bõðuc ñeã baùo veã [nhaãn vieãn].**¹³

NMC, cauc coång ty hoãi vieãn cuõa NMC vaø nhõõng hieãp hoãi coång thõðong khauc nhõ Hoãi Chuyeãn Vieãn Laøm Muõng Quoaç Teá (International Nail Technicians Association, hay INTA), cauc cô quan chính phuù vaø cô quan khauc ñeàu khuyeãn kich, uõng hoã, vaø taõo ñieàu kieãn **giaùo ðuõic** vaø giaùo huaãn vaãn ñeã lieãn quan tõui soüc khoùe vaø an toaøn cho nhaãn vieãn thaãm myõ vieãn. Cauc nhaãn vieãn thaãm myõ vieãn coù theã laáy thoãng tin veà soüc khoùe vaø an

⁹ MMA vaãn coøn ñõðic sốu ðuõng trong nhieàu saun phaam khauc ngoaøi ngaõnh kyõ ngheã chaêm soüc muõng.

¹⁰ Phaãn tõu MMA nhoù hõn phaãn tõu EMA, vì vaãy ðeã thaãm qua ða vaø coù khaù naøng gaây dò õùng nhieàu hõn. ¹¹ Xem ví ðuõi, “Kyõ thuaät chaêm soüc muõng tieâu chuaãn cuõa Milady,” (Milady’s Standard Nail Technology) Taui baun laàn thõu 5, Thompson/Delmar Learning 2007, Chõðng, ISBN 1 -4180-1651-2.

¹² Baun Trich Yeáu Toùm Taét CIR 2005, trang 99.

¹³ Cô Quan Baùo Veã Moãi Trõðong Hoa Kyø (EPA), Baùo Veã Soüc Khoùe Nhaãn Vieãn Thaãm Myõ Vieãn Chaêm Soüc Muõng (thaùng 3, 2007), *truy caãp óuù* <http://www.epa.gov/opptintr/dfe/pubs/projects/salon/nailsalonguide.pdf>

toaøn qua caùc nhaõn saün phaãm,¹⁴ tờ An Toaøn Chaát Lieäu (Material Safety Data Sheet, hay MSDS),¹⁵ hồ ðùng ðaãn baét buoäc tờ trồ ðong thaãm myõ (goàm caùc saùch giaùo khoa chuyeãn ngaønh)¹⁶, caùc kyø thi caáp chồ ðng chæ tieâu bang, qua chồ ðng trình thồ ðng xuyeãn sau khi ñồ ðc caáp pheùp, caùc aán phaãm chuyeãn ngaønh, tạ ð chí thồ ðng ma ñi vaø aán phaãm cuõa chaùng phuõ lieãn bang vaø tieâu bang. NMC, cuõng nhõ caùc toã chồ ðc khaùc, cuõng coù moät ma ñng lö ðu ñi cung caáp thoãng tin hồ ðu ích veà söùc khoùe, an toaøn vaø nhõ ðng vaán ñeà khaùc.¹⁷ Ngoaøi ra, coøn coù caùc lö ðp ho ñc, aán phaãm, tạ ð chí vaø nhõ ðng thoãng tin khaùc tờ nhieàu nguoaøn khaùc nhau nhõ tieáng Anh, tieáng Vieät vaø nhõ ðng ngoaøn ngõ ðc khaùc.¹⁸

Chæ baèng vaøi **quy taéc thõic haønh** ñõn giaùu, nhõ ñõng saün phaãm vaø raùc trong caùc hoäp nhuõ bo ñc kín; rö ða tay thồ ðng xuyeãn; vaø luoaøn mang quaãn aùo baùo veã, nhaãn vieãn laøm muõng coù theã baùo veã da khoù ñi bò tieáp xuùc quaù möùc. Ngoaøi ra, ho ñ coù theã baùo veã khoãng khí hoã haáp baèng nhõ ðng bieãn phaùp khaù ñõn giaùu, nhõ ñeø maët na ñ choáng bu ñi vaø, quan tro ñng hôn, phaù ñi **thoãng giou** toát. Caùc quy taéc laøm vieäc vaø quaũn lý kyø thuaät khuyeãn caùo phaù ñi ðeã ño ñc treãn ma ñng lö ðu ñi cuõa NMC cuõng nhõ tờ nhõ ðng nguoaøn thoãng tin ñồ ðc ñeà caáp trồ ðu ñc ño ñ.

Kinh teá ho ñc

Nhõ ðng ngõ ðo ñi hay phaøn naøn thồ ðng trích ðõ ðe lieäu cuõa Phøng Thoãng Keã Lao Ñõng Hoa Kyø (Bureau of Labor Statistics, hay BLS) ñeã minh ho ña möùc thu nhaäp maø ho ñ cho laø thaáp trong ngaønh thaãm myõ vieãn, nhõ ðng trong thõic teá, nhaãn vieãn thaãm myõ vieãn laøm muõng ñồ ðc tra ñ lö ðng khaù toát so vò ñi nhõ ðng ngheà khaùc trong ngaønh ðo ñc vui, vaø vò ñi nhõ ðng ngõ ðo ñi coù cuøng kyø naèng vaø trình ñoã ho ñc vaán.¹⁹

Theo soá lieäu cuõa BLS thì thu nhaäp trung bình haøng naèm cuõa taát ca ñ nhõ ðng ngõ ðo ñi laøm trong ngaønh chaèm söùc vaø ðo ñc vui ca ñ nhaãn laø \$22,180 Myõ kim.²⁰ Maèc ðu soá lieäu cuõa phøng Thoãng Keã cho thaáy thu nhaäp cuõa caùc thaãm myõ vieãn, goàm ca ñ thõi laøm muõng, gaàn baèng möùc naø ñ²¹, tuy nhieãn ngõ ðo ñi ta thồ ðng cho raèng möùc thu nhaäp naø ñ bò tính thieáu.

¹⁴ Mõ ñi lieäu thaãm myõ vieãn haøng ñeàu ñeàu ghi nhaõn vò ñi thoãng tin thaøn phaøn caùc chaát, cuøng hồ ðng ðaãn vaø ca ñnh giaùc khi sö ñ ðu ñng.

¹⁵ Luaät lieãn bang quy ñõnh nhaø saün xuaát phaù ñi ða ñn ba ñng MSDS ô ñ caùc thaãm myõ vieãn.

¹⁶ Xem ví ðu ñi, “Caá ñ Truùc Mø ðng vaø Hoa ñ Ho ñc Saün Phaãm” (Nail Structure and Product Chemistry), Tạ ñ ba ñn laàn thõu hai, Douglas Schoon, Thomson/Delmar Learning, ISBN 1 -4018-6709-X; “Kyø Thuaät Chaèm Söùc Muõng Tieâu Chuaãn cuõa Milady,” *supra*, Ghi chu ñ 11.

¹⁷ Ha ñ heát aán phaãm treãn ma ñng lö ðu ñi cuõa NMC ñeã co ñ hoaèc se ñ sö ñm co ñ ba ñn tieáng Anh, Vieät, Ña ñi Haøn vaø Ta ñ Ba Nha. Xem <http://www.probeauty.org/about/committees/nmc/>

¹⁸ Ví ðu ñi, aán phaãm EPA (Ghi chu ñ 13, *supra*) ñang ñồ ðc ðo ñc sang tieáng Vieät vaø Ña ñi Haøn.

¹⁹ So sa ñnh, ví ðu ñi thu nhaäp cuõa nhaãn vieãn nhaø haøng, khaùch sa ñn, nô ñ giõ ð tre ñ, ngõ ðo ñi hoã trõ ñi chaèm söùc gia ñ ñnh vaø ca ñ nhaãn, veã sinh nhaø cõ ña vaø ba ñn le ñ. Xem http://www.bls.gov/oes/current/oes_nat.htm

²⁰ *Id.*

²¹ Theo Phøng Thoãng Keã Lao Ñõng Hoa Kyø (BLS), thu nhaäp trung bình haøng naèm cuõa nhaãn vieãn thaãm myõ laø \$23,640 vaø thõi laøm muõng tay laø \$20,400. Xem <http://www.bls.gov/oco/ocos169.htm>; <http://www.bls.gov/oes/current/oes395092.htm>

May thay, còu nhöông soá lieäu chính xác hôn cho thaáy thu nhaáp cuõa thaãm myõ vieãn vaø thõĩ laøm muõng naøy, trong thõĩc teá, cao hôn nhiều. Nõĩều quan troĩng laø, phoøng Thoáng Keá ñaõ ñõa thõĩ sốũa muõng tay vaøo danh saùch nhöông ngheá²² phaùt trieãn nhanh nhaát.

Moät baũn nghiẽãn cõu chuyeãn saâu daøi 36 trang veà ngaønh thaãm myõ tieãn haønh treãn toaøn quoaéc ñaõ ñõõĩc Lawrence Rudner- Nãĩi Hoĩc Maryland xuaát baũn naẽm 2003.²³ Rudner giaũĩ thĩch moät soá khoũ khaẽn trong khi nghiẽãn cõu caùc dõõ lieäu BLS vaø ghi nhaãn nhöông khoũ khaẽn trong quaũ trình thu thaáp thoáng tin chính xác veà thaãm myõ vieãn chaũng haĩn nhõ “ñããy laø ngaønh haũ ra tieãn maẽt cõu nhiều thu nhaáp khoãng ñõõĩc baũo caũo.” Ngoaøĩ ra, Rudner cho raẽng BLS thu thaáp dõõ lieäu cuõa hoĩ tõø tình hình chung cuõa thaãm myõ vieãn do IRS xác thõĩc tĩnh tõø giaãy khai theá cõu theá, ngoaøĩ nhiều vieãc khaùc, cõu maõ phaãn loãĩĩ ngaønh SIC khoãng chính xác, cõu theá khoãng thu ñõõĩc Phũĩ Chõõng (Subchapter) S hay kinh doanh Keá Hoaĩch (Schedule) C vaø cõu theá khoãng chia thaãm myõ vieãn khaùc võũĩ cõũa haøng taĩp hoũa.²⁴

Theo dõõ lieäu thaẽm doø ñããy ñũũ, Rudner keát luaãn raẽng thu nhaáp **trung bình** haøng naẽm cuõa nhaãn vieãn trong thaãm myõ vieãn laø khoaũng \$48,700 cho chuũ tieãm vaø khoaũng \$36,300 cho nhaãn vieãn. Rudner baũo caũo raẽng bieãn ñõaĩ trong ngaønh thaãm myõ raát cao, **bình quãn** thu nhaáp laø tõø \$40,640 cho chuũ tieãm ñẽãn \$30,050 cho nhaãn vieãn.

Nhaãn khaũ

Ngaønh laøm muõng laø moät coãng ñõoãng raát ñã daĩng. Khoaũng 41% laø ngõõõĩ Vieãt, 39% laø da traẽng, 10% laø Myõ goác Phi Chaũ, 7% goác Taỹ Boà Nha (Hispanic), 2% Nãĩi Haø và 1% laø nhöông nõõũc khaùc.²⁵

Kỹ ngheã naøy thu huùt raát nhiều ngõõõĩ Vieãt vaøo ngaønh laøm muõng trong suoaít moät soá thaáp nieãn võøa qua. Nhiều ngõõõĩ Vieãt Nam vaø nhöông ngõõõĩ ñẽãn tõø caùc quoaéc gia khaùc **choĩn** ngheã thaãm myõ muõng bõũĩ vi: (1) thu nhaáp toát tõõng ñõõõng võũĩ caùc coãng vieãc khaùc; (2) tieãn traũ thõõõng laø tieãn maẽt; (3) mõũc ñõa thaát baĩĩ thaáp ngay caũ khi neãn kinh teá bõ suy yeãu; (4) khoãng ñõoĩ hoũĩ cao veà voãn, hoĩc vaãn hay trình ñõa ngoãn ngõõõ; (5) thõõĩ gian laøm vieãc uyeãn chuyeãn vaø cõu khaũ naẽng nuoaĩ ñõõĩc gia ñĩnh; (6) coãng vieãc raát thuũ võ, saũng taĩo vaø mang tĩnh ngheã thuaát cao; (7) cõu nhiều cõ hoãĩ tieáp xuũc võũĩ khaùch haøng; (8) cõu theá laøm vieãc võũĩ ngõõõĩ thaãn vaø nhöông ngõõõĩ khaùc trong cuøng coãng ñõoãng, cuøng ngoãn ngõõ vaø cuøng neãn vaẽn hoũa (khaùc võũĩ nhiều ngaønh dòch vũĩ khaùc)²⁶; vaø (9) hoĩ cõu theá trõũ thaønh

²² Xem <http://www.adin.org/lmi/usafast.htm>

²³ Tham Khaũo Rudner, Lawrence M., Yeãu Caũ Coãng Vieãc Trong Ngaønh Thaãm Myõ, 2003, Ngaøy 17 Thaũng Naẽm, 2003.

²⁴ Nẽã bieát theãm nhöông lõõĩ bình luaãn cuõa thoáng keá BLS veà thõĩ laøm muõng tay, xem Postrel, Virginia, “Caũch Chuũng Ta Soãng,” (The Way We Live) Thõõĩ Baũo New York, Nõaĩn 6, trang 16, Ngaøy 22 Thaũng Hai, 2004.

²⁵ Taĩp Chí Muõng, Muõng naẽm 2006 -2007 Cuoãn Saũch Lõũn, trang 36.

²⁶ Oũ nhiều ngaønh dòch vũĩ khaùc, ngõõõĩ di daãn laøm vieãc cho ngõõõĩ baũn xõũ.

chủ doanh nghiệp nhỏ và tự làm việc cho mình. Đây là những việc rất mất mặt.
Hầu hết mọi người đều thấy rất hạnh phúc và an toàn với nghề nghiệp mình chọn.

Về nhân khẩu giới tính, nhìn chung chủ yếu là phụ nữ làm trong ngành làm móng. Tuy nhiên, trong công ngành nghề Việt, có khoảng 30% chuyên viên móng tay là nam giới. Trong số nhiều người làm việc cho chính doanh nghiệp của họ.²⁷

Khoảng 70 phần trăm chuyên viên móng tay có cửa hàng riêng đôi khi đang tham mỹ phẩm hoặc sâu hơn một doanh nghiệp “thưa nhà riêng”, tức là, chuyên viên móng thưa một khoảng trống trong tiệm và tự quản lý doanh nghiệp khác lập của riêng mình trong tiệm đó.²⁸ Nhiều chủ tham mỹ phẩm người Việt Nam là người không phải công nhân, và một số trong số họ tự mình hoạt động kinh doanh và trở thành nhà sản xuất hay nhà phân phối sản phẩm làm móng theo hình thức bán lẻ. Trên thực tế, chính các nhà cung cấp sản phẩm người Việt Nam đã giúp ông đỡ như cầu của 83% tham mỹ phẩm làm móng do người Việt làm chủ.²⁹

Theo báo cáo về số lượng giờ làm việc của nhân viên làm móng (tốt nhất cả các các tác), thì một tuần họ làm việc từ mức 10 giờ trung bình, vì nhiều quan trọng là thời gian làm việc của họ phải yên chuyên. Theo đó, 20% làm việc dưới 20 giờ một tuần; 29% làm việc từ 21-35 giờ; và 24% làm việc từ 36-40 giờ. Nói với những tuần làm việc hơn 40 giờ, thì có 8% làm việc 41-45 giờ và 19% cho biết họ làm việc hơn 45 giờ.³⁰ Nói với những người muốn làm việc theo mức độ thời gian dài hạn thì, do đó, đáng kể những chủ doanh nghiệp nhỏ khác, có vẻ như muốn thêm lợi nhuận, muốn khai thác thêm về tài chính, do đó họ là người Việt Nam hoặc là người nước ngoài thuê họ đi làm nhà riêng, và cũng có thể là họ do không quen làm việc theo mức độ một tuần sáu ngày bên quốc gia họ. Họ làm việc theo ý riêng về mặt giá trị mô Mỹ phẩm cho cả gia đình và cho chính họ.

Nhìn về tương lai

Đáng kể hầu hết các ngành nghề kinh doanh khác, tham mỹ phẩm theo pháp luật của tiểu bang và nhà nước đều quản. Số họ trở lại khoảng ngoài của NMC luôn tập trung vào vấn đề về sức khỏe và an toàn trong các lớp giảng dạy tham mỹ phẩm, giúp ông yêu cầu ngành nghề về nhà tạo và trong các kỳ thi cấp bằng của tiểu bang. NMC cũng là tổ chức kêu gọi thông tin xuyên kiểm tra và thực thi các quy chế cũng như bảo luật hiện hành, tăng năng suất và, tăng cường quyền thi hành luật và cấp phép. Nếu ông tay

²⁷ “Nghiên Cứu Nhà Riêng về Ngành Thẩm Mỹ Móng Việt Nam,” (First Study of Vietnamese Nail Salon Industry) Tạp Chí Móng tay. 78 (Tháng Ba Năm 2007).

²⁸ Móng Cười Nhà Riêng, *supra*, Ghi chú 25, trang 37.

²⁹ Nghiên Cứu Nhà Riêng, *supra* Ghi chú 27, trang 86.

³⁰ Tạp Chí Chuyên Ngành Móng tay, Cười Nhà Riêng và Ông Năm 2006, trang 18.

ñéán coäng ñoàng ngöðøi Vieät Nam vaø caùc coäng ñoàng di daân khaiùc, chieám hôn 50% ngaønh laøm moùng, laø vai troø quan troïng cho söï toản taïi cuûa ngaønh naøy. Raát nhieàu coäng ty thaønh vieân NMC môøiá caùc chuyeân vieân laøm moùng tay ngöðøi Vieät Nam ñéán ñeá huaán luyeän vaø ñaøo taïo caùc thaám myõ vieän Vieät Nam cuõng nhö giuùp thaâu duïng ñoäi nguõ nhaân vieân traû lôøi ñieän thoaiï goïi vaøo mieän phí.

Roõ raøng laø vaãn coøn nhieàu ñieàu caàn vaø phaûi laøm theám, tuy nhieän NMC nghó raèng ngaønh laøm moùng cuõng coù nhieàu ñieàu ñaùng ñeá töï haøo, trong ñoù bao goàm caù yeáu toá an toaøn lao ñoäng daøi haïn cho caùc nhaân vieân maø ngaønh ñaõ ñaët ñöðøc.